

## SYSTEM DATA SHEET

## Sikafloor® MultiDur ES-56 ESD

## HỆ THỐNG SÀN PHẪNG EPOXY DẪN TÍNH ĐIỆN

## MÔ TẢ

Sikafloor® MultiDur ES-56 ESD là hệ thống sàn epoxy ESD có bề mặt hoàn thiện bằng phẳng. Hệ thống này được thiết kế để phân tán điện tích (ESD) và bảo vệ các thiết bị nhạy cảm trong khu vực bảo vệ tĩnh điện (EPA).

## ỨNG DỤNG

Hệ thống được sử dụng trong các tòa nhà công nghiệp như:

- Cơ sở sản xuất dược phẩm.
- Cơ sở xí nghiệp ô tô.
- Cơ sở xí nghiệp điện tử và trung tâm dữ liệu.

Xin lưu ý:

- Hệ thống chỉ có thể được sử dụng cho các ứng dụng nội thất.
- Hệ thống chỉ có thể được sử dụng bởi các chuyên gia có kinh nghiệm

## ĐẶC TÍNH/ ƯU ĐIỂM

- Lượng phát thải chất gây ô nhiễm phân tử trong không khí (AMC) thấp.
- Lượng phát thải VOC thấp.
- Khả năng kháng hóa chất tốt.
- Độ bền cơ học rất tốt.

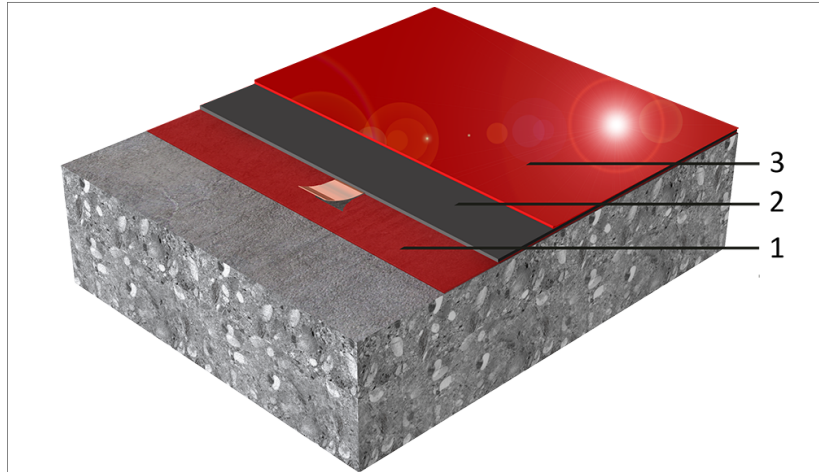
## SỰ PHÊ CHUẨN / TIÊU CHUẨN

- Approval for ESD protective products acc. IEC 61340, RISE Institute, No. ESD-21-0002
- Fire classification report, EN 13501-1, Ghent University, Report No. 20-1069-03

# THÔNG TIN HỆ THỐNG

## Kết cấu hệ thống

## Sikafloor® MultiDur ES-56 ESD



| Lớp                           | Sản phẩm   |
|-------------------------------|--|
| 1. Sơn lót                    | Sikafloor®-160<br>Sikafloor®-161<br>Liên hệ phòng Kỹ Thuật Sika để chọn đúng loại sơn lót cho dự án. |
| 2. Sơn lót dẫn điện + Nối đất | Sikafloor®-220 W Conductive<br>Sikafloor® Conductive Set   |
| 3. Lớp phủ                    | Sikafloor®-2350 ESD dùng 20 % cát thạch anh (0.1–0.3 mm)   |

## Gốc hoá học

Epoxy

## Ngoại quan

Bề mặt bóng, phẳng.

## Màu sắc

Các màu có sẵn: RAL 1000, RAL 1001, RAL 1014, RAL 1019, RAL 3012, RAL 5012, RAL 5024, RAL 6000, RAL 6010, RAL 6020, RAL 6021, RAL 6027, RAL 6033, RAL 6034, RAL 7001, RAL 7005, RAL 7011, RAL 7015, RAL 7021, RAL 7024, RAL 7030, RAL 7032, RAL 7035, RAL 7036, RAL 7037, RAL 7038, RAL 7040, RAL 7042, RAL 7043, RAL 7045, RAL 7046, RAL 7047, RAL 9002, NCS S 3500-N.

## Độ dày danh nghĩa

0.8 mm - 2 mm.

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

### Cường độ bám dính

≥ 1.5 MPa (EN 1542)

### Phản ứng với lửa

Class B<sub>fl</sub>-s1 (EN 13501-1)

### Khả năng kháng tia UV

Bị đổi màu hoặc phai màu khi tiếp xúc với tia UV. Chỉ sử dụng nơi không tiếp xúc với tia UV.

### Xử lý sự tĩnh điện

Điện trở nối đất  $R_G < 10^9 \Omega$  (IEC 61340-4-1)

Điện trở trung bình khi nối đất  $R_G < 10^5 - 10^6 \Omega$

Độ tạo điện áp cơ thể < 100 V (IEC 61340-4-5)

Điện trở hệ thống  $R_G < 10^9 \Omega$

**Lưu ý:** Kết quả đo có thể bị ảnh hưởng bởi quần áo ESD, điều kiện môi trường xung quanh, thiết bị đo lường, độ sạch của sàn và nhân viên kiểm tra.

### QUAN TRỌNG

Yêu cầu về giày dép ESD Giày ESD được sử dụng trong EPA phải có điện trở

## SYSTEM DATA SHEET

Sikafloor® MultiDur ES-56 ESD

Tháng Tám 2024, Hiệu đính lần 10.02

02081190000000145

< 5 MOhm theo tiêu chuẩn IEC 61340-4-3 ở loại khí hậu 1 (độ ẩm tương đối 12 % / +23 ° C). Để đạt được điện tích < 30V của cơ thể con người trong quá trình kiểm tra đi bộ (ở độ ẩm tương đối 12% / +23 °C), chúng tôi đề xuất nên sử dụng những đôi giày ESD sau: Weeger ESD clog, art. 48512-30, www.schuhweeger.de.

## THÔNG TIN THI CÔNG

| Định mức  | Lớp  | Sản phẩm  | Định mức   |                        |
|---|--|---|--|------------------------|
|   | Sơn lót  | Sikafloor®-160<br>Sikafloor®-161                              | 1-2 x 0.3–0.5 kg/m <sup>2</sup>  |                        |
|   | Tạo phẳng (không bắt buộc)   | Sikafloor®-160<br>Sikafloor®-161                              | Tham khảo từng thông tin kỹ thuật sản phẩm   |                        |
|   | Sơn lót dẫn điện + nối đất   | Sikafloor®-220 W<br>Conductive + Sikafloor®<br>Conductive Set | 1 x 0.08–0.10 kg/m <sup>2</sup><br>1 điểm nối đất trên 200–300 m <sup>2</sup> , tối thiểu 2 điểm trên sàn. |                        |
|   | Lớp phủ hoàn thiện   | Sikafloor®-2350 ESD<br>rải 20% cát thạch anh 0.1–0.3 mm       | Tối đa 2.5 kg/m <sup>2</sup>   |                        |
| Lưu ý: Với các lớp mỏng hơn, khả năng kháng cơ học và độ chảy có thể bị giảm.   |  |   |  |                        |
| Nhiệt độ môi trường   | Tối đa   | +30 °C  |  |                        |
|   | Tối thiểu  | +15 °C  |  |                        |
| Độ ẩm không khí tương đối   | Tối đa   | 80 % r.h.   |  |                        |
| Điểm sương  | Tham khảo Bảng thông tin chi tiết từng sản phẩm.   |   |  |                        |
| Nhiệt độ bề mặt   | Tối đa   | +30 °C  |  |                        |
|   | Tối thiểu  | +15 °C  |  |                        |
| Độ ẩm bề mặt  | Refer to the individual Product Data Sheet.<br>Tham khảo từng Bảng chi tiết sản phẩm.  |   |  |                        |
| Thời gian chờ / Lớp phủ   | Để nắm được thời gian chờ sơn lót, hãy tham khảo từng Bảng thông số sản phẩm.<br>Trước khi thi công Sikafloor®-2350 ESD lên Sikafloor®-220 W Conductive: |   |  |                        |
|   | <b>Nhiệt độ</b>  | <b>Tối thiểu</b>  | <b>Tối đa</b>  |                        |
|   | +15 °C   | ~26 giờ   | ~7 ngày  |                        |
|   | +20 °C   | ~17 giờ   | ~5 ngày  |                        |
|   | +30 °C   | ~12 giờ   | ~4 ngày  |                        |
| Lưu ý: Thời gian chỉ ước tính và sẽ bị ảnh hưởng bởi điều kiện môi trường, đặc biệt là nhiệt độ và độ ẩm.   |  |   |  |                        |
| Sản phẩm hoàn thiện   | <b>Nhiệt độ</b>  | <b>Đi bộ</b>  | <b>Ít lưu thông</b>  | <b>Đưa vào sử dụng</b> |
|   | +15 °C   | ~48 giờ   | ~3 ngày  | ~7 ngày                |
|   | +20 °C   | ~24 giờ   | ~48 giờ  | ~4 ngày                |
|   | +30 °C   | ~16 giờ   | ~36 giờ  | ~3 ngày                |
| Lưu ý: Thời gian tính từ lúc thi công lớp cuối cùng của hệ thống. Thời gian có thể bị thay đổi bởi điều kiện môi trường, đặc biệt là nhiệt độ và độ ẩm. |  |   |  |                        |

## THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA SẢN PHẨM

Tất cả thông số kỹ thuật trong tài liệu này đều dựa trên kết quả ở phòng thí nghiệm. Các dữ liệu đo thực tế có thể khác tùy theo trường hợp cụ thể.

Tham khảo bảng công bố phương pháp:

- Công bố phương pháp Sika — Đánh giá và chuẩn bị bề mặt cho hệ thống sàn.
- Công bố phương pháp Sika — Cách trộn và thi công Sikafloor®.

## TÀI LIỆU CHI TIẾT HƠN

# SINH THÁI HỌC, SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN

Để biết thông tin và được tư vấn về an toàn sử dụng, lưu trữ và thải bỏ sản phẩm thuộc nhóm hóa chất, người sử dụng nên tham khảo Tài Liệu An Toàn Sản Phẩm mới nhất (sẵn sàng khi có yêu cầu) về lý tính, sinh thái, tính độc hại và tài liệu an toàn liên quan khác.

## HƯỚNG DẪN THI CÔNG

### THI CÔNG

#### ĐỘ DẪN ESD

Số lượng điểm đo độ dẫn được khuyến nghị cụ thể trong bảng sau:

| Vùng sẵn sàng thi công                          | Số lượng điểm đo |
|---|------------------|
| < 10 m <sup>2</sup>                             | 6                |
| ≥ 10 m <sup>2</sup> đến < 100 m <sup>2</sup>    | 10 đến 20        |
| ≥ 100 m <sup>2</sup> đến < 1000 m <sup>2</sup>  | 50               |
| ≥ 1000 m <sup>2</sup> đến < 5000 m <sup>2</sup> | 100              |

Nếu các phép đo có giá trị nằm ngoài thông số kỹ thuật đề ra, hãy làm theo các bước sau:

1. Thực hiện một phép đo bổ sung trong bán kính khoảng 30 cm xung quanh điểm đo ban đầu.

Nếu giá trị của phép đo mới đáp ứng được thông số kỹ thuật đề ra thì có thể bỏ qua phép đo ban đầu.

Nếu giá trị của phép đo mới không đáp ứng được thông số kỹ thuật đề ra, hãy lặp lại phép đo được mô tả ở trên cho đến khi xác định được những yêu cầu đã được thông qua.

Nếu các yêu cầu không ra soát được, hãy liên hệ với bộ phận Dịch vụ Kỹ thuật của Sika.

#### LẮP ĐIỂM NỐI ĐẤT

Tham khảo Tuyên bố Phương pháp Sika: Tuyên bố về Phương pháp Sika — Trộn và thi công Sikafloor®.

Số lượng kết nối đất mỗi phòng: Tối thiểu 2 kết nối đất. Số lượng kết nối đất tối ưu phụ thuộc vào điều kiện địa phương và phải được chỉ định trên bản vẽ hoặc tài liệu hợp đồng khác.

## GỚI HẠN ĐỊA PHƯƠNG

Lưu ý rằng tùy theo kết quả yêu cầu từng địa phương riêng biệt mà tính năng sản phẩm có thể thay đổi từ nước này sang nước khác. Vui lòng xem tài liệu kỹ thuật sản phẩm địa phương để biết mô tả chính xác về khu vực thi công.

## LƯU Ý PHÁP LÝ

Các thông tin, và đặc biệt, những hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được cung cấp với thiện chí của chúng tôi dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về sản phẩm trong điều kiện được lưu trữ đúng cách, sử dụng và thi công trong điều kiện bình thường theo hướng dẫn của Sika. Trong ứng dụng thực tế, chúng tôi không bảo đảm sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có một ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngụ ý từ các thông tin này hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ một sự tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công họ mong muốn không. Sika có quyền thay đổi đặc tính của sản phẩm mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được chú ý. Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi. Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.

#### Công ty Sika Hữu Hạn Việt Nam

Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1  
Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Tel: (84-251) 3560 700  
Fax: (84-251) 3560 699  
sikavietnam@vn.sika.com  
vnm.sika.com



#### SYSTEM DATA SHEET

Sikafloor® MultiDur ES-56 ESD  
Tháng Tám 2024, Hiệu đính lần 10.02  
020811900000000145

SikafloorMultiDurES-56ESD-vi-VN-(08-2024)-10-2.pdf

